

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2018/HS-ST
Ngày 17-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Huân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Hịa và ông Nguyễn Quang Khải

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Đoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:
Ông Phạm Khá, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ. Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Vàng Tăng S, sinh năm 1961, tại Sơn La; Tên gọi khác: Vàng Tùng S.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản N, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm nương; Trình độ học vấn: Không biết chữ.

Dân tộc: H'Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Vàng Chứ T, đã chết; con bà Lầu Thị K (Lầu Thị T), đã chết.

Bị cáo có vợ Vàng Thị C và 05 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bị cáo không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/12/2017, có mặt.

*** Nguyên đơn dân sự:** Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Ngọc T, chức vụ Chủ tịch UBND xã H, huyện Đ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lò Văn T, chức vụ Phó Chủ tịch UBND xã H, huyện Đ, có mặt.

*** Người Bào chữa cho bị cáo:** Ông Nguyễn Quang K, Luật sư, công tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

*** Người có nghĩa vụ liên quan:** Ông Trần Xuân T, nơi công tác Hạt Kiểm Lâm huyện Đ, tỉnh Điện Biên, xin xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:** Anh Vàng A S, sinh năm 1983, địa chỉ bản N, xã H, huyện Đ.

*** Người phiên dịch:** Chị Và Thị V, sinh năm 1985, địa chỉ bản N, xã H, huyện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 12 năm 2016, do không có đất làm nương nên Vàng Tàng S đã nói với vợ Vàng Thị C, sinh năm 1962 và con trai Vàng A C, sinh năm 1997 là bị cáo sẽ đi phát rừng để làm nương. Bị cáo không nói với vợ con là sẽ phát rừng khu vực nào. Vàng Tàng S mang theo một con dao quắm đi vào khu vực khe suối H thuộc bản N, xã H, huyện Đ để phát rừng làm nương trồng lúa. Khi đến khe suối H, bị cáo dùng dao quắm một mình chặt phát toàn bộ những cây gỗ loại nhỏ và cây bụi tại khu rừng phòng hộ thuộc khoảnh 15, tiểu khu 763 khu vực đầu nguồn suối H thuộc bản N, xã H, huyện Đ. Đến buổi chiều ngày thứ tư, khi đang chặt phát cây rừng thì bị cáo gặp một người đàn ông dân tộc Thái bị cáo không rõ lai lịch mang theo cưa máy loại cầm tay đi qua khu vực bị cáo đang chặt phát. Vàng Tàng S liền thỏa thuận và thuê người đàn ông đó dùng cưa máy cắt hạ toàn bộ số cây gỗ to trên diện tích rừng bị cáo đang chặt phát với giá 200.000 đồng. Trong thời gian khoảng 4 ngày, bị cáo đã dùng dao quắm và thuê người cắt hạ toàn bộ số cây trên diện tích rừng 4581 m², gây thiệt hại số tiền 264.427.000 đồng. Trong lúc bị cáo đang phát rừng thì có Vàng A S, sinh năm 1983 người cùng bản với bị cáo đi làm nương và nhìn thấy bị cáo dùng dao quắm đồng thời thuê người dùng cưa máy cắt phá cây rừng. Khoảng tháng 3 năm 2017, lực lượng Kiểm lâm và Ủy ban nhân dân xã H phát hiện và yêu cầu bị cáo Vàng Tàng S không được đốt cây đã chặt phá để cho rừng mọc lại tự nhiên. Khoảng tháng 4 năm 2017 thì bị cáo đã đốt nương, dọn dẹp và đến khoảng tháng 5 năm 2017 thì tiến hành gieo lúa trên diện tích bị cáo đã chặt phá. Ngày 16/5/2017, đoàn công tác liên ngành do Hạt Kiểm lâm huyện Đ chủ trì đã kiểm tra, lập biên bản vi phạm đối với Vàng Tàng S về việc chặt phá rừng phòng hộ đồng thời ra quyết định đình chỉ việc phá rừng làm nương trái phép.

Cáo trạng số 53/CT-VKSDB ngày 28/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Vàng Tàng S về tội “Hủy hoại rừng” theo điểm c khoản 1 Điều 243/BLHS năm 2015.

Luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Tuyên phạt bị cáo Vàng Tầng S từ 15 đến 18 tháng tù về tội Hủy hoại rừng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 về xử lý vật chứng.

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự 2015 buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho Nhà nước số tiền 264.427.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

Nguyên đơn dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại bằng tiền. Đối với việc khắc phục hậu quả bằng cách trồng lại diện tích rừng bị phá thì UBND xã H đã hướng dẫn kỹ thuật cho bị cáo trồng và chăm sóc diện tích rừng bị hủy hoại.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, nghị quyết 01/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quyết định hình phạt tù cho bị cáo hưởng án treo. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo. Đề nghị Nhà nước xem xét giảm mức yêu cầu bồi thường thiệt hại hoặc không yêu cầu bồi thường thiệt hại cho bị cáo. Đề nghị miễn án phí cho bị cáo Vàng Tầng S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ phạm tội:

Tại biên bản vi phạm hành chính về quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản hồi 11 giờ 00 phút ngày 16/5/2017 bút lục 22, 23 xác định Vàng Tầng S đã phá rừng trái pháp luật tại khu vực đầu nguồn suối H thuộc bản N, xã H, huyện Đ.

Tại biên bản đo đếm diện tích, tính toán trữ lượng thiệt hại rừng bị phá trái pháp luật hồi 08 giờ 00 phút ngày 19/10/2017 bút lục từ 28 đến 31 xác định: Mức độ thiệt hại rừng bị phá là 4.581 m², tổng số cây bị thiệt hại 293 cây, trữ lượng gỗ trên diện tích rừng bị phá 185,741 m³, sản lượng gỗ trên diện tích rừng bị phá 127,627 m³, củi tận thu trên diện tích rừng bị phá 58,115 m³, mức độ thiệt hại 100%, số lượng những cây bị thiệt hại trên diện tích rừng bị phá 82 cây gỗ có đường kính gốc dưới 08 cm, trữ lượng rừng trên ha 405,460 m³/ha, rừng rất giàu.

Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 08 giờ 00 phút ngày 19/10/2017 bút lục từ 36 đến 37 xác định tại khu vực rừng phòng hộ tiểu khu 763 khoảnh 15 thuộc địa phận bản N, xã H, huyện Đ. Tại vị trí chặt phá do đối tượng Vàng Tầng S đã đốt, trồng lúa, chỉ còn lại các gốc cây.

Biên bản niêm phong vật chứng hồi 16 giờ 30 phút ngày 19/10/2017 bút lục 55 niêm phong 01 con dao quắm dài 101 cm là vật chứng thu giữ của Vàng Tầng S chứng minh phương tiện bị cáo sử dụng để chặt phá cây rừng.

Kết luận định giá tài sản số 46/KL-ĐG ngày 07/11/2017 bút lục 62 xác định tổng giá trị thiệt hại của các loại gỗ, củi tận thu, cây gỗ có đường kính gốc dưới 08 cm là 264.427.000 đồng.

Tại biên bản làm việc hồi 08 giờ 00 phút ngày 12/12/2017 bút lục từ 84 đến 85 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ làm việc với Chủ tịch UBND xã H thì UBND xã H không yêu cầu bị cáo Vàng Tầng S phải đền bù thiệt hại giá trị bằng tiền mà chỉ yêu cầu Vàng Tầng S trồng lại, chăm sóc rừng cho đến khi đạt tiêu chuẩn về rừng. Khu vực rừng bị hủy hoại đối chiếu trên bản đồ giao đất, giao rừng của xã H thì rừng này chưa giao hay cho cá nhân thuê mà UBND xã H vẫn đang trực tiếp quản lý, bảo vệ theo Nghị định số 23/2006/NĐCP ngày 03/3/2006 của Chính phủ.

Các biên bản ghi lời khai, hỏi cung bị can Vàng Tầng S từ bút lục số 101 đến 122 chứng minh bị cáo Vàng Tầng S đã chặt phá cây rừng tại khu rừng già thuộc khe suối H bản N, xã H, huyện Đ và đã gây thiệt hại với số tiền 264.427.000 đồng. Gia đình bị cáo được cấp sổ hộ nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập chính từ làm nương rẫy, việc chặt phá cây rừng với mục đích lấy đất gieo trồng lúa nương.

Biên bản ghi lời khai hồi 15 giờ ngày 03/11/2017 bút lục 132 anh Vàng A S, sinh năm 1983, địa chỉ bản N, xã H, huyện Đ xác nhận anh có thấy bị cáo S phát tĩa những cây bụi, cây tái sinh và thấy một người đàn ông có máy cưa cắt những cây gỗ to tại vị trí rừng S đang chặt phá.

Bản Kết luận điều tra số 42/KLĐT ngày 05/02/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ kết luận và chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đưa bị can Vàng Tầng S ra truy tố công khai trước pháp luật về tội Hủy hoại rừng quy định tại khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo Vàng Tăng S có tội. Các chứng cứ xác định bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng" được quy định tại khoản 3 Điều 189 của Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm c Khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vàng Tăng S có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

[3] Về tính chất mức độ phạm tội:

Bị cáo Vàng Tăng S đã hủy hoại với mức độ thiệt hại rừng bị phá là 4.581 m², tổng số cây bị thiệt hại 293 cây, trữ lượng gỗ trên diện tích rừng bị phá 185,741 m³, sản lượng gỗ trên diện tích rừng bị phá 127,627 m³, củi tận thu trên diện tích rừng bị phá 58,115 m³, mức độ thiệt hại 100%, số lượng những cây bị thiệt hại trên diện tích rừng bị phá 82 cây gỗ có đường kính gốc dưới 08 cm, trữ lượng rừng trên ha 405,460 m³/ha, rừng rất giàu. Tổng giá trị thiệt hại tính bằng tiền theo kết luận định giá tài sản của cơ quan định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 264.427.000 đồng. Với diện tích và giá trị thiệt hại về tài sản cho Nhà nước như đã nhận định ở trên thì tính chất mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt cao nhất từ 01 đến 05 năm tù.

Hội đồng xét xử áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội quy định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa XIV và khoản 3 Điều 7/BLHS năm 2015 để xét xử bị cáo theo quy định điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015. Lý do của quy định có lợi là theo quy định của khoản 3 Điều 189 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì mức hình phạt dành cho bị cáo cao nhất từ 7 đến 15 năm tù không có lợi cho bị cáo.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo sinh ra và lớn lên ở bản N, xã H, huyện Đ. Bị cáo là người dân tộc H'Mông sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, mặc dù chính quyền địa phương cũng như các ban ngành đoàn thể ở bản đã tuyên truyền về chính sách phát triển, bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ nhưng do bị cáo nhận thức không đầy đủ nên để có diện tích trồng lúa nương phục vụ cho nhu cầu của cuộc sống bị cáo đã cố tình phạm tội. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Nhận thức được hậu quả xảy ra, bị cáo đã tự giác trồng lại diện tích rừng đã hủy hoại. Người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, điểm s Khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 làm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của người bào chữa cũng như đại diện Viện kiểm sát về các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo không có cơ sở để chấp nhận

ý kiến của người bào chữa. Cần thiết phải nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo và nhìn nhận về lỗi lầm của bản thân.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng. Song xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo khó khăn, gia đình bị cáo là hộ nghèo, bị cáo không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung, nên Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Vàng Tăng S.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chặt, đốt rừng phòng hộ gây thiệt hại về trữ lượng rừng với giá trị là 264.427.000 đồng. Đây là tài sản của Nhà nước nên cần căn cứ vào các quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, Khoản 1 Điều 586, 589 của Bộ luật Dân sự 2015 buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho Nhà nước. Chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát về việc buộc bị cáo phải bồi thường. Thiệt hại của Nhà nước theo quy định của pháp luật thuộc trường hợp không được hòa giải cũng không được thỏa thuận. Bị cáo tự nguyện trồng lại diện tích rừng đã bị phá được coi là "tự nguyện khắc phục hậu quả" và đã được Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b Khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015 như đã nêu ở trên nên không được Hội đồng xét xử áp dụng để xem xét về việc bồi thường thiệt hại.

Đối với thiệt hại về môi trường sinh thái, Hội đồng định giá tài sản không có đủ cơ sở xác định được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các vấn đề khác:

Đối với đối tượng người đàn ông dân tộc Thái bị cáo không rõ lai lịch đã dùng cưa máy loại cầm tay cắt cây gỗ to và bị cáo đã trả công 200.000 đồng. Quá trình điều tra không có cơ sở để làm rõ đối tượng theo lời khai của bị cáo. Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với UBND xã H và Kiểm lâm viên Trần Xuân T đã lơ lửng, thiếu trách nhiệm trong việc quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản cần nghiêm túc rút kinh nghiệm và chấn chỉnh công tác bảo vệ rừng trên địa bàn quản lý.

Vật chứng của vụ án là một con dao quắm dài 101 cm bị cáo dùng làm phương tiện chặt phá cây rừng. Vật chứng này tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo là người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn, gia đình bị cáo là hộ nghèo theo quy định của Chính phủ đồng thời bị cáo có đơn đề nghị miễn án phí do vậy Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo theo quy định tại Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội khóa XIV; Khoản 3 Điều 7; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo **Vàng Tăng S (Tên gọi khác Vàng Tùng S)** phạm tội **"Hủy hoại rừng"**.

- Xử phạt bị cáo **Vàng Tăng S (Vàng Tùng S) 15** (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47; Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 357; Điều 468; Điều 584, Điều 585, Khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng hồi 15 giờ 00 phút ngày 22/3/2018 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

+ Buộc bị cáo Vàng Tăng S phải bồi thường cho Nhà nước số tiền: 264.427.000 đồng (Hai trăm sáu mươi tư triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bị cáo không tự nguyện thi hành đối với khoản tiền bồi thường cho Nhà nước thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí: Áp dụng Điều 136/BLTTHS; Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa XIV về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và nguyên đơn dân sự. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án; nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 17/4/2018.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an HDB;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo, nguyên đơn dân sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ****Nguyễn Mạnh Huân**